

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2023
V/v tranh chấp “ hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
- Bà Lê Kim Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HN ngày 01 tháng 9 năm 2022 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 734A/37, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Le Thanh C, sinh năm 1987; nơi cư trú: 1954 Tennyson Ave M, OH44646, Hoa Kỳ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Bà N và ông Le Thanh C quen nhau qua mai mối, sau đó tổ chức đám cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 12/10/2018. Sau khi kết hôn ông Le Thanh C trở về Mỹ sống lúc đầu còn liên lạc nhưng sau 1 năm không còn liên lạc với bà Nguyễn Thị Hằng N. Do khoảng cách xa hiện tại tình cảm không còn. Nay bà N làm đơn khởi kiện ly hôn với ông Le Thanh C

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Le Thanh C đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác tư pháp nêu trên: Do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, nhưng đến nay ông Le Thanh C không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, ông Le Thanh C, quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại 1954 Tennyson Ave Massillon, OH44646, Hoa Kỳ. Nguyên đơn cư trú tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Le Thanh C có địa chỉ tại Hoa Kỳ nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp tổng đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 16-8-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Le Thanh C về vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hằng N và ông Le Thanh C có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 12-10-2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do sau khi kết hôn ông Le Thanh C trở về Mỹ sống lúc đầu còn liên lạc nhưng sau 1 năm không còn liên lạc với bà N.

Bị đơn ông Le Thanh C đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác tư pháp nêu trên: Do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, nhưng đến nay ông Le Thanh C không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nguyên đơn phải chịu là 2.981.760 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N.

1. Bà Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn với ông Le Thanh C.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000102 ngày 25-4-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.981.760 đồng (hai triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000117 ngày 06-5-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N được nhận lại 38.240 đồng (ba mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), lệ phí ủy thác tư pháp, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000087 ngày 06-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hằng N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Le Thanh C là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân thành Phố L;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GD và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang